



NGUỒN VỐN VẬT CHẤT VÀ XÃ HỘI CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH Ở XÃ THỚI BÌNH (HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU)

Huỳnh Phạm Dũng Phát^{}, Kim Hải Vân²*

¹ Khoa Địa lí – Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

² THPT chuyên Hoàng Lê Kha - Tây Ninh

^{*} Tác giả liên hệ: Huỳnh Phạm Dũng Phát – Email: hpdphat@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 27-02-2019; ngày nhận bài sửa: 11-3-2019; ngày duyệt đăng: 18-4-2019

TÓM TẮT

Trong giai đoạn 2000-2015, nguồn vốn vật chất và vốn xã hội của các hộ gia đình ở xã Thới Bình (huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau) đã có sự thay đổi theo hướng tích cực. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố, bán kiên cố; có phương tiện đi lại chính bằng xe máy, ô tô; có các đồ dùng lâu bền đều tăng. Mối quan hệ giữa các hộ với họ hàng, hàng xóm ngày càng phát triển và số người tham gia các tổ chức chính trị - xã hội cũng được nâng cao. Bài viết giới thiệu về sự biến đổi nguồn vốn vật chất và vốn xã hội của các hộ gia đình ở xã Thới Bình giai đoạn 2000-2015 dựa trên kết quả khảo sát 125 chủ hộ và phỏng vấn 20 chủ hộ, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển hai nguồn vốn này trong thời gian tới.

Từ khóa: hộ gia đình, nguồn vốn vật chất, nguồn vốn xã hội, xã Thới Bình.

1. Đặt vấn đề

Nguồn vốn sinh kế là thành phần quan trọng trong sinh kế. Nguồn vốn sinh kế gồm 5 thành tố là con người, tự nhiên, tài chính, vật chất và xã hội; trong đó, vốn vật chất và xã hội là hai nguồn vốn phản ánh đời sống vật chất và mạng lưới xã hội, chuẩn mực, sự tin cậy trong xã hội của hộ gia đình. Theo định nghĩa của Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh: “Vốn vật chất bao gồm cơ sở hạ tầng cơ bản và hàng hóa vật chất nhằm hỗ trợ việc thực hiện các hoạt động sinh kế. Nguồn vốn vật chất thể hiện ở cả cấp cơ sở cộng đồng hay cấp hộ gia đình. Trên góc độ cộng đồng, đó chính là cơ sở hạ tầng nhằm hỗ trợ cho sinh kế của cộng đồng hay cá nhân gồm hệ thống điện, đường, trường trạm, hệ thống cấp nước và vệ sinh môi trường, hệ thống tưới tiêu và hệ thống chợ. Ở góc độ hộ gia đình, vốn vật chất là trang thiết bị sản xuất như máy móc, dụng cụ sản xuất, nhà xưởng hay các tài sản nhằm phục vụ nhu cầu cuộc sống hàng ngày như nhà cửa và thiết bị sinh hoạt gia đình” (DFID, 2001). Về vốn xã hội, theo Coleman (1990): “Vốn xã hội gồm những đặc trưng trong đời sống xã hội như sau: các mạng lưới xã hội, các chuẩn mực và sự tin cậy trong xã hội – là những cái giúp cho thành viên có thể hành động chung với nhau một cách có hiệu quả nhằm đạt đến mục tiêu chung”.

Xã Thới Bình nằm ở phía Tây Nam huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, tiếp giáp với thị trấn Thới Bình, là một trong những xã có vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế

– xã hội của huyện. Năm 2015, diện tích tự nhiên của toàn xã là 10.109,4 ha với 4035 hộ gia đình và 17.374 nhân khẩu. Hoạt động kinh tế chính của hầu hết các hộ gia đình ở địa phương là nông nghiệp. Giá trị sản xuất nông nghiệp của xã vào năm 2015 là 7651,7 tỉ đồng (Chi cục Thống kê huyện Thới Bình, 2016). Hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương thì nguồn vốn vật chất và xã hội có sự thay đổi theo hướng ngày càng tăng. Việc nghiên cứu nguồn vốn vật chất và xã hội có ý nghĩa quan trọng trong định hướng phát triển hai nguồn vốn này nói riêng cũng như định hướng phát triển kinh tế – xã hội nói chung ở địa phương.

Bài viết chỉ tập trung phân tích một số nội dung chính về vốn vật chất và vốn xã hội phổ biến có ở xã Thới Bình. Về vốn vật chất là nhà ở, phương tiện đi lại và đồ dùng lâu bền; về vốn xã hội là mối quan hệ của hộ với họ hàng, làng xóm và với các tổ chức chính trị – xã hội trong giai đoạn 2000-2015.

2. Tổng quan nghiên cứu, cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu về vốn vật chất điển hình có thể kể: *Vốn vật chất và phát triển kinh tế ở Việt Nam* (Eric & Tâm, 2012), nghiên cứu đã sử dụng số liệu từ các ngành kinh tế để phân tích tác động của vốn vật chất đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. *Sustainable livelihoods guidance sheets* (DFID, 2001) đã giới thiệu khung phân tích sinh kế bền vững, đưa ra khái niệm đồng thời phân tích vai trò của từng nguồn vốn sinh kế, trong đó có nguồn vốn xã hội và chỉ ra phương thức khai thác và phát triển sinh kế bền vững.

Các nghiên cứu về vốn xã hội, điển hình có thể kể đến là *Social Capital in the Creation of Human Capital* (Coleman, 1988), bài báo đã trình bày khá cụ thể các nội dung: khái niệm vốn xã hội và nguồn nhân lực, các hình thức của vốn xã hội, vai trò của vốn xã hội trong việc tạo ra nguồn nhân lực. Bài báo *Tìm hiểu khái niệm vốn xã hội* (Trần Hữu Quang, 2006) cũng đã hệ thống hóa các khái niệm về nguồn vốn xã hội, phân tích các kích thước văn hóa và định chế của vốn xã hội. Bài báo *Vốn xã hội, mạng lưới xã hội và những phí tổn* (Hoàng Bá Thịnh, 2009) cũng đã giới thiệu một số quan niệm về vốn xã hội của một số tổ chức, cá nhân: Pierre Bourdieu, Jame Coleman, Ngân hàng Thế giới, Putnam và Fukuyama; qua đó, tác giả đã đưa ra quan niệm về mạng lưới xã hội; phân tích cấu trúc, chức năng của vốn xã hội, những phí tổn để duy trì vốn xã hội và mạng lưới xã hội.

Các nghiên cứu nói trên đã cung cấp cho chúng tôi một số vấn đề lí luận về vốn vật chất và vốn xã hội: các khái niệm cơ bản, tính chất, đặc điểm, nội dung và vai trò của vốn vật chất và vốn xã hội đối với sinh kế của các hộ nói riêng và đối với phát triển kinh tế – xã hội nói chung.

2.2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành khảo sát thông tin về nguồn vốn vật chất và vốn xã hội của các hộ gia đình ở xã Thới Bình với hai mốc thời gian năm 2000 và 2015 để có cứ liệu so sánh sự thay đổi của hai nguồn vốn ở hai thời điểm khác nhau trong cùng một hộ. Thông tin do

chính chủ hộ cung cấp thông qua hình thức điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Trong đó, bảng hỏi được xây dựng có nội dung liên quan đến nghiên cứu đối với 125 chủ hộ đại diện cho 3% tổng số hộ ở xã (125 trong 4035 hộ), phỏng vấn sâu 20 chủ hộ. Số hộ được điều tra trên địa bàn 11 ấp (từ ấp 1 đến ấp 11).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nguồn vốn vật chất

- Nhà ở:

Giai đoạn 2000-2015, tình trạng nhà ở của các hộ gia đình được khảo sát ở xã Thới Bình có sự thay đổi theo hướng tích cực. Chỉ trong vòng 5 năm, nhà kiên cố tăng 24 căn; nhà bán kiên cố tăng 26 căn; nhà thiếu kiên cố giảm 14 căn và nhà đơn sơ giảm 36 căn (xem Bảng 1). Đây là tín hiệu đáng mừng, thể hiện sự cải thiện trong đời sống vật chất của các hộ ở địa phương.

Bảng 1. Tình trạng nhà ở phân theo loại nhà của các hộ gia đình ở xã Thới Bình (huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau) giai đoạn 2000-2015

	Loại nhà ở	Tổng số	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
2000	Số lượng (hộ)	125	16	18	41	50
	Tỉ lệ (%)	100	12,8	14,4	32,8	40
2015	Số lượng (hộ)	125	40	44	27	14
	Tỉ lệ (%)	100	32	35,2	21,6	11,2

(Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Theo phỏng vấn, nhà ở ngày được cải thiện là do thu nhập của người dân tăng, số tiền tích lũy ngày càng nhiều. Năm 2000, thu nhập bình quân đầu người ở xã Thới Bình là 10,9 triệu đồng/năm, đến năm 2015 là 25,6 triệu đồng/năm, tăng 14,7 triệu đồng (Chi cục Thống kê huyện Thới Bình, 2016). Ngoài ra, các hộ còn vay tiền từ họ hàng, hàng xóm, ngân hàng, tổ chức chính trị – xã hội để xây mới hoặc sửa chữa nhà. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, huyện Thới Bình luôn quan tâm đến công tác hỗ trợ các hộ gia đình, đặc biệt là các hộ chính sách, hộ nghèo. Theo Chi cục Thống kê huyện Thới Bình, năm 2015, huyện đã huy động Quỹ đền ơn đáp nghĩa xây dựng được 35 căn nhà tình nghĩa (Chi cục Thống kê huyện Thới Bình, 2016).

- Phương tiện đi lại:

Bảng 2 cho thấy phương tiện đi lại của người dân có sự thay đổi khá đáng kể trong giai đoạn 2000-2015. Các phương tiện truyền thống, giản đơn được thay thế bởi các phương tiện có giá trị, tiện lợi hơn, nhanh hơn. Năm 2000, các hộ chủ yếu đi lại bằng xuồng/võ lãi với 101/125 hộ, chiếm đến 87,8%, nhưng đến năm 2015 phương tiện này giảm xuống chỉ còn 16 hộ với 13,1%. Tỉ trọng xe đạp giảm từ 3,5% xuống 1,6%, giảm 1,9%. Xe máy là phương tiện đi lại có giá trị, phổ biến và tiện lợi nên tỉ trọng tăng đáng kể - từ 8,7% năm 2000 lên 81,1% năm 2015. Trong các phương tiện đi lại, xe ô tô có số lượng

hộ sử dụng thấp – trong vòng mười lăm năm chỉ tăng 4 hộ (từ 0 hộ lên 5 hộ) (xem Bảng 2). Nguyên nhân do giá thành xe ô tô đắt, chủ yếu là các hộ kinh doanh sử dụng; hệ thống các đường giao thông ở các huyện, xã chưa thuận tiện cho phương tiện này lưu thông.

Bảng 2. Phương tiện đi lại chính của các hộ gia đình ở xã Thới Bình (huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau giai đoạn 2000-2015)

	Phương tiện đi lại	Tổng số	Xuồng/ Vỏ lãi	Xe đạp	Xe máy	Xe ô tô
2000	Số lượng (hộ)	125	101	4	10	0
	Cơ cấu (%)	100	87,8	3,5	8,7	0
2015	Số lượng (hộ)	125	16	2	99	5
	Cơ cấu (%)	100	13,1	1,6	81,1	4

(Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

- Đồ dùng lâu bền:

Giai đoạn 2000-2015, tỉ lệ đồ dùng lâu bền ở các hộ được khảo sát tăng đáng kể. Trong đó, tiêu biểu là máy vi tính/máy tính xách tay tăng từ 1,6% lên 36,8%, tăng 23 lần, máy giặt cũng tăng hơn 15 lần. Ngoài ra, các đồ dùng như tivi, tủ lạnh, sofa/bộ bàn ghế, tủ (tủ thờ, tủ tivi...) cũng lần lượt tăng 2,5 lần, 6,8 lần, 2,1 lần và 2,3 lần. Nguyên nhân làm cho tỉ lệ các đồ dùng tăng là do thu nhập tăng, các thiết bị nêu trên là rất cần thiết để phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình và một phần là do giá thành rẻ hơn so với trước đây.

Bảng 3 cho thấy các đồ dùng tuy tỉ lệ tăng cao nhưng số lượng vẫn chưa nhiều: số hộ có máy vi tính/máy tính xách tay, máy giặt vẫn còn thấp. Năm 2015, máy giặt là 17/125 hộ và máy vi tính/máy tính xách tay 46/125 hộ. Nguyên nhân là do máy vi tính/máy tính xách tay chủ yếu được mua sắm ở các hộ có con em học trung cấp, cao đẳng trở lên hoặc làm nhân viên văn phòng; đa số hộ ở khu vực nông thôn vẫn còn thói quen giặt đồ bằng tay, một số ít hộ không mua máy giặt vì chưa có điều kiện. Tủ lạnh được các hộ đầu tư nhiều do thiết bị này giúp sinh hoạt hàng ngày thuận lợi hơn.

Bảng 3. Đồ dùng lâu bền của các hộ gia đình ở xã Thới Bình (huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau) giai đoạn 2000-2015

	Đồ dùng lâu bền	Tivi	Tủ lạnh	Máy giặt	Bộ sofa/bộ bàn ghế	Tủ (tủ thờ, tủ tivi..)	Máy vi tính/máy tính xách tay
2000	Số lượng (hộ)	50	17	1	44	52	2
	Tỉ lệ (%)	40	13,6	0,8	35,2	41,6	1,6
2015	Số lượng (hộ)	125	116	17	92	120	46
	Tỉ lệ (%)	100	92,8	13,6	73,6	96	36,8

(Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Tỉ lệ các đồ dùng lâu bền tăng nhờ sự thay đổi công nghệ sản xuất, giá cả hợp lí và xu hướng tiêu dùng của người dân. Thời điểm năm 2000, người dân mua sắm theo hướng ăn chắc mặc bền, nhưng đến nay chủ yếu mua những sản phẩm có mẫu mã và công nghệ sản xuất mới. Bên cạnh đó, sự phát triển của hình thức mua hàng trả góp cũng góp phần làm tăng tỉ lệ các đồ dùng lâu bền.

3.2. Nguồn vốn xã hội

Đối với nguồn vốn xã hội, việc xây dựng các mối quan hệ xã hội rất cần thiết, giúp các thành viên trong hộ có thể tìm được việc làm, tạo cơ hội cho hộ học tập các mô hình mới trong sản xuất kinh doanh và được hỗ trợ nguồn vốn.

- Mối quan hệ giữa các hộ với hộ hàng:

Giai đoạn 2000-2015, số hộ gia đình có hộ hàng sinh sống ở cùng địa phương tăng từ 95 hộ lên 113 hộ, tăng 18 hộ. Quan hệ của các hộ với hộ hàng không chỉ gắn bó trong sản xuất mà còn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày với nhiều hình thức khác nhau. Đây là điều rất tích cực, mang lại ý nghĩa cho cả hộ và hộ hàng.

+ Các hình thức thể hiện mối liên hệ xã hội giữa hộ và hộ hàng thông qua các hoạt động: phụ đám cưới, đám giỗ, tang ma; thăm hỏi ốm đau và phụ giữ, chăm sóc con.

Hình thức có tỉ lệ tăng nhiều nhất là phụ đám cưới, đám giỗ, tang ma tăng từ 33,9% lên 55,3%, tăng 21,4%. Khi các hộ có đám cưới, đám giỗ hay đám tang thì hộ hàng thường đến phụ giúp một số công việc như dựng rạp, làm heo, nấu ăn, rửa chén và chạy bàn. Sau khi kết thúc đám tiệc, chủ hộ thường đến từng nhà hộ hàng để gửi lời cảm ơn và quà bánh. Hình thức thăm hỏi ốm đau có xu hướng tăng nhẹ với 1,8%. Mỗi khi có thành viên trong hộ bị ốm đau, hộ hàng hay sang nhà hoặc đến bệnh viện để thăm hỏi về tình hình sức khỏe và giúp đỡ, hỗ trợ, như: trông coi nhà, cho mượn hoặc vay tiền để chữa bệnh.

Hình thức nhờ hộ hàng phụ giữ, chăm sóc con, giảm từ 50,8% xuống còn 27,6%, giảm 23,2%. Hiện nay, ở khu vực nông thôn, hệ thống giáo dục mầm non phát triển nên các hộ gia đình gửi con đến nhà trẻ, trường mẫu giáo ngày càng tăng.

Bảng 4. Mối liên hệ xã hội giữa các hộ gia đình và hộ hàng ở xã Thới Bình (huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau) giai đoạn 2000-2015

Năm		2000	2015
Phụ đám cưới, đám giỗ, đám tang	Số lượng (hộ)	9	13
	Cơ cấu (%)	15,3	17,1
Thăm hỏi ốm đau	Số lượng (hộ)	20	42
	Cơ cấu (%)	33,9	55,3
Phụ giữ, chăm sóc con	Số lượng (hộ)	30	21
	Cơ cấu (%)	50,8	27,6
Tổng số	Số lượng (hộ)	59	76
	Cơ cấu (%)	100	100

(Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

+ Tương tự như mối liên hệ xã hội, số hộ có liên hệ với họ hàng về mặt kinh tế cũng tăng 18 hộ, từ 52 hộ lên 70 hộ. Các hộ và họ hàng liên kết với nhau về mặt kinh tế thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: cho vay mượn tiền, hợp tác trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ và thuê làm lao động. Mối liên hệ về kinh tế giữa hộ và họ hàng ở địa phương còn thiếu sự bền chặt nên ngoại trừ hình thức cho vay mượn tiền có tỉ trọng cao và tăng nhiều (gần 30%), xu hướng chung của các hình thức hợp tác trong sản xuất tại địa phương là giảm. Cụ thể, hợp tác trong sản xuất nông nghiệp giảm từ 7,7% năm 2000 xuống 1,4% năm 2015, giảm 6,3%; sản xuất tiểu thủ công nghiệp giảm 1,9%; kinh doanh dịch vụ giảm 2,4% (từ 3,8% xuống 1,4%); thuê lao động giảm 18,9% (từ 34,6% xuống 15,7%) (xem Bảng 5). Nguyên nhân là do di cư lao động đến các tỉnh khác, do không cần vốn làm ăn, do phân chia lợi nhuận khi hợp tác...

Tiền vay mượn từ họ hàng được các hộ sử dụng vào mục đích đầu tư sản xuất nông nghiệp, xây mới hoặc sửa chữa nhà, cho con đi học và chi các việc phát sinh trong gia đình. Số tiền các hộ vay mượn thường thấp và phải trả sớm vì tiền họ hàng cho hộ vay mượn chủ yếu là tiền vốn dùng để đầu tư tái sản xuất. Về lãi suất, họ hàng cho hộ vay với lãi suất rất thấp hoặc thậm chí không lấy lãi.

Trong sản xuất nông nghiệp, hộ hợp tác với họ hàng thông qua việc hùn vốn thuê trồng lúa; nuôi tôm, cua và cá; trao đổi ngày công ở các khâu của trồng lúa như làm đất, gieo mạ, cấy và gặt lúa để hoàn thành các công việc và giảm chi phí. Ngoài ra, hộ còn hợp tác với họ hàng trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp nhưng chiếm tỉ trọng rất thấp, năm 2015 là 0% do các hộ sản xuất chiếu ngày càng bị thu hẹp thị trường dẫn đến không thể tồn tại.

Tỉ lệ hộ và họ hàng hợp tác trong kinh doanh dịch vụ giảm là do các hộ có đủ nguồn vốn để đầu tư hoặc gặp rắc rối trong việc phân chia lợi nhuận, quyền quyết định các vấn đề phát sinh nên nên muốn kinh doanh riêng.

Đối với việc thuê họ hàng làm lao động, cùng với xu hướng di cư của huyện Thới Bình nói chung, lao động của các gia đình được khảo sát ở xã Thới Bình cũng di cư đến các tỉnh thành khác để làm việc (Thành phố Hồ Chí Minh 36,7%, Bình Dương 26,6%...); vì vậy, việc thuê lao động ở địa phương là điều rất khó khăn. Các hộ thuê lao động là do gia đình không có nhân lực hoặc lao động là công chức, viên chức. Ở xã Thới Bình, các hộ chủ yếu thuê họ hàng làm việc ở lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Trong nông nghiệp, hộ thuê làm các công việc đào đất, xới đất, nhổ mạ, cấy lúa và gặt lúa là chủ yếu.

Bảng 5. Mối liên hệ kinh tế giữa các hộ gia đình và họ hàng ở xã Thới Bình (huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau) giai đoạn 2000-2015

Năm		2000	2015
Hợp tác trong sản xuất nông nghiệp	Số lượng (hộ)	4	1
	Cơ cấu (%)	7,7	1,4
Hợp tác trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp	Số lượng (hộ)	1	0
	Cơ cấu (%)	1,9	0
Hợp tác trong kinh doanh dịch vụ	Số lượng (hộ)	2	1
	Cơ cấu (%)	3,8	1,4
Thuê làm lao động	Số lượng (hộ)	18	11
	Cơ cấu (%)	34,6	15,7
Cho vay mượn tiền	Số lượng (hộ)	27	57
	Cơ cấu (%)	51,9	81,4
Tổng số	Số lượng (hộ)	52	70
	Cơ cấu (%)	100	100

(Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

+ Mức độ tiếp xúc là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mối quan hệ giữa các hộ và họ hàng. Giai đoạn 2000-2015, mức độ tiếp xúc có sự biến đổi theo hướng tích cực, tăng tỉ trọng mức rất thường xuyên, thường xuyên, đồng giảm các mức bình thường, ít tiếp xúc và rất ít tiếp xúc. Trong đó, mức độ rất thường xuyên tăng 12% và thường xuyên 8% (xem Bảng 6). Điều này cho thấy, sự tin cậy giữa hộ với các mối quan hệ trong xã hội ngày càng nâng cao.

Mặc dù giảm nhưng đến năm 2015 vẫn còn 2 hộ rất ít tiếp xúc với họ hàng do có những mâu thuẫn, xích mích từ những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống như: tranh chấp lối đi, vật nuôi quậy phá, con nhỏ tranh cãi... dẫn đến mất đi tình thân thiết.

Bảng 6. Mức độ tiếp xúc giữa các hộ gia đình với hàng xóm ở xã Thới Bình (huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau) giai đoạn 2000-2015

Mức độ tiếp xúc		2000	2015
Rất thường xuyên (12- 14 lần/tuần)	Số lượng (hộ)	16	31
	Cơ cấu (%)	12,8	24,8
Thường xuyên (từ 9 -11 lần/tuần)	Số lượng (hộ)	59	69
	Cơ cấu (%)	47,2	55,2
Bình thường (6-8 lần/tuần)	Số lượng (hộ)	30	18
	Cơ cấu (%)	24	14,4
Ít tiếp xúc (3-5 lần/tuần)	Số lượng (hộ)	13	5
	Cơ cấu (%)	10,4	4,0
Rất ít tiếp xúc (0-2 lần/tuần)	Số lượng (hộ)	7	2
	Cơ cấu (%)	5,6	1,6

(Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

- **Mối quan hệ của các hộ với các tổ chức chính trị - xã hội**

Trong mười lăm năm, số hộ tham gia vào các tổ chức chính trị – xã hội có xu hướng tăng cao. Năm 2000 có 35 hộ, đến năm 2015 tăng lên 75 hộ, tăng 40 hộ. Các hộ đồng thời tham gia vào nhiều tổ chức khác nhau và trung bình mỗi hộ tham gia 2 tổ chức. Trong đó, chủ yếu các hộ tham gia vào Hội Liên hiệp Phụ nữ với 53,1%. Tỷ trọng của các tổ chức Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức khác lần lượt là 27,9%, 4,8%, 14,2%.

Khi tham gia vào các tổ chức chính trị – xã hội, ngoài việc được học tập các mô hình sản xuất, kinh doanh mới, học hỏi kinh nghiệm, các hộ còn được hỗ trợ tiền vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh. Năm 2015, khảo sát cho thấy trong tổng số 27 hộ vay vốn tín dụng, có 4 hộ vay vốn từ các tổ chức chính trị – xã hội, chiếm gần 15%.

Khảo sát thực tế tại địa phương cho thấy, các tổ chức chính trị – xã hội đã chú trọng quan tâm nhiều mặt cho các hộ tham gia: Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện luôn quan tâm, giúp đỡ hội viên cả trong đời sống và sản xuất: Nhiều phụ nữ ở địa phương vươn lên thoát nghèo thông qua các chương trình hũ gạo tình thương; 5 không, 3 sạch; mua bảo hiểm cho hội viên; nuôi heo đất. Hội Nông dân huyện luôn tạo điều kiện để hội viên có cơ hội tìm hiểu, tập huấn và chuyển giao các kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp. Hội đã mời các kỹ sư chuyên ngành nông nghiệp của Trường Đại học Cần Thơ về tập huấn kỹ thuật nuôi tôm, cá; mời kỹ sư Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau đến tập huấn và chuyển giao kỹ thuật trồng lúa, trồng hoa màu. Ngoài ra, hàng năm còn tổ chức bồi dưỡng kỹ thuật khuyến nông, khuyến ngư cho nông dân. Đối với các cựu chiến binh, họ luôn được Hội Cựu chiến binh huyện Thới Bình hỗ trợ để phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Hội thường xuyên phối hợp với các cấp ngành tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyển giao kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; phát động phong trào cựu chiến binh tiết kiệm, đóng góp xây dựng quỹ hỗ trợ “Xóa nhà dột nát” cho cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn. Hội cũng đã xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả như mô hình lúa – tôm, lúa – tôm càng xanh; mô hình nuôi le le, rắn ri tượng.

4. Kết luận và đề xuất

4.1. Kết luận

Giai đoạn 2000-2015, nguồn vốn vật chất của các hộ gia đình ở xã Thới Bình có sự thay đổi theo hướng tích cực, tuy tốc độ vẫn còn chậm. Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố nâng lên mức khá. Số hộ có phương tiện đi lại là xe máy, xe ô tô tăng, song xe ô tô vẫn còn hạn chế. Đa số các đồ dùng lâu bền đều tăng tỷ lệ, tăng nhanh nhất là máy vi tính/máy tính xách tay.

Về nguồn vốn xã hội, tỷ lệ hộ có mối liên hệ với họ hàng về xã hội và kinh tế khá ổn định. Mức độ tiếp xúc giữa các hộ diễn ra thường xuyên, tính cố kết cộng đồng cao; tuy nhiên vẫn còn xây ra mâu thuẫn với họ hàng ở một số ít hộ. Số hộ tham gia vào các tổ chức

chính trị – xã hội ở mức tương đối. Các tổ chức kinh tế – xã hội có nhiều hình thức khác nhau giúp đỡ các hộ gia đình ổn định kinh tế, nâng cao đời sống.

Có thể thấy, nguồn vốn vật chất và nguồn vốn xã hội của các hộ gia đình ở xã Thới Bình có xu hướng phát triển, tuy nhiên chưa thực sự mạnh mẽ, nhất là liên kết kinh tế giữa hộ với hộ hàng. Điều này có tác động đến nguồn vốn tài chính trong sinh kế thông qua cơ hội tiếp cận việc làm của các thành viên trong hộ, vay vốn từ các mối quan hệ xã hội.

4.2. Đề xuất một số giải pháp phát triển nguồn vốn vật chất và xã hội ở xã Thới Bình (huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau)

Từ kết quả khảo sát, bài viết đề xuất một số giải pháp để góp phần phát triển nguồn vốn vật chất và xã hội ở xã Thới Bình như sau:

- Về tiếp cận nguồn vốn, huyện Thới Bình nên khuyến khích tạo điều kiện cho các hộ gia đình được tiếp cận với nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư phát triển nguồn vốn vật chất như xây dựng nhà ở kiên cố, bán kiên cố, mua sắm phương tiện đi lại phục vụ sản xuất, qua đó góp phần phát triển ổn định đời sống vật chất cho người dân.

- Về phát triển giao thông nông thôn, ngành giao thông và chính quyền tỉnh Cà Mau cần đẩy mạnh đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông đáp ứng phương tiện ô tô ở lưu thông các huyện, xã để thuận tiện cho việc vận chuyển của người dân, từ đó thúc đẩy số hộ sở hữu ô tô phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Về đẩy mạnh chương trình nông thôn mới, chính quyền xã Thới Bình cần sớm tổ chức hòa giải cho các hộ có xảy ra mâu thuẫn với nhau, đồng thời đẩy mạnh công tác tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao giữa các ấp nhằm củng cố mối quan hệ láng giềng, tăng tính đoàn kết cho người dân và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở địa phương.

- Về việc khuyến khích hợp tác trong sản xuất để tăng năng lực sản xuất của các hộ và cộng đồng, ngành nông nghiệp và chính quyền tỉnh Cà Mau nên khuyến khích các hộ gia đình ở các huyện, xã hợp tác xây dựng các hợp tác xã, đầu tư phát triển thế mạnh của địa phương như nuôi trồng thủy sản, trồng hoa màu, tiến đến xây dựng thương hiệu có chỉ dẫn địa lí; từ đó, giúp các hộ nâng cao thu nhập và phát triển mối quan hệ hợp tác về kinh tế.

- Về việc phát triển hội viên các tổ chức tại địa phương, các tổ chức chính trị – xã hội cần phối hợp với chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho người dân biết quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia các tổ chức chính trị – xã hội, nâng cao số lượng, chất lượng hội viên tham gia.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Coleman, James S. (1988). Social Capital in the Creation of Human Capital. *The American Journal of Sociology*, 94, 95-120.
- Coleman, James S. (1990). *Foundations of Social Theory*. Massachusetts: Harvard University Press.
- Chi cục Thống kê huyện Thới Bình. (2016). *Niên giám thống kê huyện Thới Bình năm 2015*. Thới Bình.
- DFID (Department for International Development). (2001). *Sustainable Livelihoods Guidance Sheets*. London.
- Eric Iksoon Im, Vũ Băng Tâm. (2012). Vốn vật chất và phát triển kinh tế ở Việt Nam. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 261, 30-35.
- Hoàng Bá Thịnh. (2009). Vốn xã hội, mạng lưới xã hội và những phí tổn. *Tạp chí xã hội học*, 1, 42-51.
- Trần Hữu Quang. (2006). Tìm hiểu khái niệm vốn xã hội. *Tạp chí Khoa học xã hội (TPHCM)*, 7(95), 74-81.

**THE PHYSICAL CAPITAL AND THE SOCIAL CAPITAL
OF HOUSEHOLDS IN THOI BINH COMMUNE (THOI BINH DISTRICT, CA MAU PROVINCE)****Huynh Pham Dung Phat^{1*}, Kim Hai Van²**¹*Ho Chi Minh City University of Education*²*Hoang Le Kha High School for the Gifted** *Corresponding author: Huynh Pham Dung Phat – Email: hpdphat@hcmue.edu.vn**Received: 27/02/2019; Revised: 11/3/2019; Accepted: 18/4/2019***ABSTRACT**

During the period 2000-2015, in Thoi Binh commune (Thoi Binh district, Ca Mau province), the physical capital and the social capital of households have changed positively. The percentage of households with solid house, semi – solid house; main means of transportation by motorcycles, cars; durable goods increased. The relationship between households with relatives, neighbours is increasingly developed and the number of people participating in socio – political organizations has improved. This article introduces the transformation of physical capital and social capital of households in Thoi Binh commune (Thoi Binh district, Ca Mau province) during the period 2000-2015 based on survey results of 125 householders and interviewed 20 householders. Thereby, the authors propose some measures to develop these two capital in the next time.

Keywords: household, physical capital, social capital, Thoi Binh commune.